

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ L  
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

**Bản án số: 29/2018/HS-ST  
Ngày: 29/5/2018.**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ L, TỈNH BÌNH THUẬN**

***THành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Hoa Nga.**

**Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Thành.**

**Ông Nguyễn Thanh Hoàng.**

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Võ Chí Công – Thư ký của Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa:*** Ông Hoàng Kim Đức – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã L xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ L số: 24/2018/TLST-HS ngày 11 tháng 4 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2018/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 5 năm 2018 đối với các bị cáo:

**1. Nguyễn Thế H**, sinh năm 1995 tại Bình Thuận;

Nơi cư trú: Khu phố 1, phường B, thị xã L, tỉnh Bình Thuận;

Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 5/12;

Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông: Nguyễn Văn B, sinh năm 1952 (chết) và bà: Trần Thị L, sinh năm 1952;

Vợ, con: Chưa có;

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 22/12/2017, Nguyễn Thế H bị Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận xử phạt 30 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 93/2017/HSST. Đến ngày 23/01/2018, Chánh án Tòa án nhân dân thị xã L ban Hành Quyết định thi hành án phạt tù số 13/2018/QĐ-CA.

Bị cáo hiện đang chấp hành án tại NH tạm giữ - Công an thị xã L (Có mặt)

2. **Trần Thị L** (tên gọi khác: Bảy), sinh năm 1952 tại Bình Thuận;

Nơi cư trú: Thôn Bình An 3, xã Tân Bình, thị xã L, tỉnh Bình Thuận;

Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 3/12;

Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Phật; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông: Trần Văn L, sinh năm 1927 (chết) và bà: Phạm Thị C, sinh năm 1933;

Chồng: Nguyễn Văn B, sinh năm 1952 (chết); Có 02 người con, lớn sinh năm 1980, nhỏ sinh năm 1995.

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 22/12/2017, Trần Thị L bị Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 tháng về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 93/2017/HSST. Đến ngày 23/01/2018, Chánh án Tòa án nhân dân thị xã L ban hành Quyết định thi hành án treo số 14/2018/QĐ-CA.

Bị cáo, hiện đang tại ngoại (Có mặt)

\* **Bị hại:** Anh Võ Đức T, sinh năm 1979. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: Khu phố 3, phường P, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

\* **Nguyên đơn dân sự đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà Lê Minh Hiếu, sinh năm 1965. (Có mặt)

Nơi cư trú: Khu phố 3, phường T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

\* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Nguyễn Đình Q, sinh năm 1968.

Nơi cư trú: Khu phố 5, phường P, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

2. Ông Cao Đức D, sinh năm 1967.

Nơi cư trú: Khu phố 2, phường B, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

3. Ông Vũ Văn Minh, sinh năm 1971.

Nơi cư trú: Khu phố 1, phường B, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

4. Chị Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1997.

Nơi cư trú: Thôn Bình An 1, xã Tân Bình, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

(các ông Q, D, M và chị T vắng mặt tại phiên tòa)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:***

Ngày 04/5/2017, bị cáo Nguyễn Thế H và bị cáo Trần Thị L có nhờ ông Nguyễn Đình Q thuê xe mô tô để làm phương tiện đi lại (vì các bị cáo H và L không có giấy tờ tùy thân nên không thể tự thuê). Sau đó, cả 03 người cùng đến tiệm của anh Võ Đức T thuê 01 chiếc xe mô tô Nouvo 3, giá thuê là 60.000 đồng/01 ngày. Đến ngày 05/5/2017, bị cáo H thấy xe mô tô Nouvo 3 hao xăng quá nên đưa xe để ông Q trả và thuê lại chiếc xe mô tô Sirius, biển số 86B1-188.28 màu đen, giá thuê là 120.000 đồng/01 ngày, thời gian thuê xe và trả tiền theo ngày, theo hợp đồng nếu bên thuê thanh toán trễ hạn 24 tiếng đồng hồ thì bên cho thuê xe có quyền đòi lại xe, anh Tuấn chỉ giao xe chứ không giao giấy tờ xe. Do các bị cáo H và L thuê thời gian dài nên sau đó anh T hạ giá thuê xuống còn 100.000 đồng/01 ngày *(Theo lời trình bày của anh T thì do bị cáo H không có Chứng minh nhân dân và bằng lái xe nên ông Q đứng ra ký vào hợp đồng thuê xe, thực tế người thuê và trả tiền thuê là các bị cáo H và L).*

Sau khi thuê xe được khoảng 01 tháng thì bị cáo H nảy sinh ý định đem xe mô tô Sirius, biển số 86B1-188.28 đi cầm cố để có tiền trả nợ và còn để mua thuốc chữa bệnh cho bị cáo L. Sau đó, bị cáo H bàn bạc việc cầm cố xe với bị cáo L thì được bị cáo L đồng ý. Tuy nhiên, bị cáo L có hỏi bị cáo H xe không có giấy tờ làm sao đem cầm cố được thì bị cáo H nói việc này để H lo. Sau đó, bị cáo H nghĩ ra cách đi làm giấy tờ và biển số giả để gắn vào xe rồi đi cầm. Sáng ngày 04/6/2017, bị cáo H chở bị cáo L đến tiệm cầm đồ 74 của anh Phan Tiến D ở khu phố 10, phường P, thị xã L. Tại đây, bị cáo L đứng bên ngoài, còn bị cáo H đi vào giả vờ hỏi anh D muốn mua xe Sirius cũ, có màu đen (màu sắc giống chiếc xe bị cáo thuê của anh T) thì được anh D cho xem chiếc Sirius, biển số 86B6 – 179.31. Sau đó, bị cáo H nói là mua xe cho người cô nên ngỏ ý mượn xe Sirius và Giấy chứng nhận đăng ký của xe này (số 020530 mang tên Võ Thị Thu V, địa chỉ: Khu phố 9, phường T, thị xã L) để đem về cho cô xem thì được anh D đồng ý. Sau đó, bị cáo H nói bị cáo L ở lại tiệm, còn bị cáo H chạy xe đến tiệm phô tô của ông Cao Đức D để in màu và ép nhựa tờ Giấy đăng ký xe mô tô của xe Sirius 86B6 – 179.31, có đặc điểm, màu sắc giống như bản chính. Làm xong, bị cáo H chạy xe về trả cho anh D kèm Giấy đăng ký xe và nói cô không đồng ý mua xe nên trả lại. Tiếp đó, bị cáo H chở L đến tiệm sửa khóa của ông Vũ Văn M ở đường Lê Lợi, phường P, thị xã L đưa Giấy đăng ký xe và nhờ ông M làm 01 biển số 86B6 – 179.31. Do bị cáo H nói bị mất biển số, đang cần làm gấp để chở mẹ đi PT nên ông M đồng ý làm cho H với giá 200.000 đồng. Đến chiều cùng ngày, bị cáo H lấy biển số giả 86B6 – 179.31 gắn vào chiếc xe thuê của anh Tuấn, còn biển số 86B6 – 188.28 bị cáo H giấu trong tủ tại nhà H. Khoảng 15 giờ cùng ngày, bị cáo H chở bị cáo L đến tiệm cầm đồ Q ở khu phố 3, phường T, thị xã L để cầm xe. Do không có chứng minh nhân dân nên bà Lê Minh H không đồng ý cầm xe, bị cáo H nhờ bạn gái là chị Nguyễn Thị Thu T đứng tên cầm giúp *(theo lời trình bày của chị T thì chị không biết nội dung thỏa thuận cầm cố, chị chỉ nghe H nói với chủ tiệm cầm đồ là giao dịch thế chấp xe gì đó, bị cáo H nói chị ký vào giấy biên nhận nên chị ký, chị*

không ký vào hợp đồng cầm đồ). Sau khi kiểm tra giấy tờ phù hợp, bà H đồng ý cho các bị cáo H và L cầm xe với số tiền 10.000.000 đồng. Hai ngày sau, các bị cáo H và L đến thỏa thuận với chị H để lấy thêm 1.500.000 đồng nên tổng số tiền cầm cố xe là 11.500.000 đồng. Thời gian cầm xe ban đầu từ ngày 04/6/2017 đến ngày 04/7/2017, nhưng sau đó không thấy các bị cáo H và L đến chuộc và trả tiền lời nên bà H tự sửa thời gian cầm xe trong hợp đồng từ ngày 04/7/2017 đến ngày 04/8/2017. Trong thời gian cho thuê xe, anh T thường xuyên gọi điện hỏi xe nhưng các bị cáo H và L đều nói dối là xe đang đi làm, ngoài ra H và L vẫn trả tiền thuê xe cho anh T được khoảng 03 tháng nhằm mục đích che giấu việc đem xe đi cầm, sau đó không có khả năng trả nữa.

Đến khoảng cuối tháng 9/2017, nghe tin H bị bắt vì liên quan đến hành vi trộm cắp tài sản, anh T nhiều lần yêu cầu trả lại xe thì bị cáo L vẫn nói dối xe đang đi làm và không thể trả lại xe cho anh T nên anh T làm đơn trình báo Công an thị xã L vào ngày 02/10/2017. Trên cơ sở trình báo của anh Tuấn, ngày 15/10/2017 Cơ quan CSĐT Công an thị xã L tiến Hành thu giữ chiếc xe Sirius gắn biển số 86B6 - 179.31, 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe số 020530 mang tên Võ Thị Thu V, 01 chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thị Thu T, 01 Giấy biên nhận và 01 hợp đồng cầm đồ tại tiệm cầm đồ Q để phục vụ cho hoạt động điều tra; anh Võ Đức T cũng cung cấp cho Cơ quan điều tra 01 hợp đồng thuê xe, 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô 86B1 -188.28 mang tên Võ Đức T, 01 biển số 86B1 -188.28 (do bị cáo L tìm thấy trong nhà H và giao cho anh T).

\* Theo Kết luận định giá tài sản số 102/KL-ĐGTS ngày 13/11/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã L kết luận: 01 (một) chiếc xe máy, hiệu YAMAHA SIRIUS, màu đen, biển số: 86B1 – 188.28, số máy: 1FC3011067, số khung: FC30EY011059 (hiện xe đang gắn biển số giả là 86B6 – 179.31), không có kính chiếu hậu, niềng đúc, xe đã qua sử dụng. Giá trị định giá: 16.000.000 đồng (mười sáu triệu đồng).

\* Theo Kết luận giám định số 850/KLGD - PC54 ngày 12/01/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Bình Thuận kết luận: Giấy đăng ký xe mô tô, xe máy số 020530 là giả; biển số 86B6 - 179.31 là giả.

**Về vật chứng vụ án:** 01 xe mô tô Sirius, 01 biển số 86B1 -188.28, 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô 86B1 -188.28 mang tên Võ Đức T, Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh Võ Đức T theo biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu ngày 29/01/2018; Đối với 01 chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thị Thu T, Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị T ngày 30/12/2017; Đối với 01 biển số xe 86B6 - 179.31 (biển số giả) Cơ quan điều tra đã chuyển sang Chi cục Thi Hành án dân sự thị xã L theo biên bản giao nhận ngày 10/4/2018.

Sau khi phân tích, đánh giá khách quan, toàn diện, đầy đủ những chứng cứ xác định có tội; tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của Hành vi phạm tội; hậu quả do Hành vi phạm tội gây ra; nhân thân và vai trò của các bị cáo; tội danh, hình phạt, áp

dụng điểm, khoản, điều của Bộ luật hình sự, những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L giữ quyền công tố kết luận:

Sau khi thuê chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, biển kiểm soát 86B1 - 188.28, trị giá 16.000.000 đồng của anh Võ Đức T được khoảng 01 tháng, bị cáo Nguyễn Thế H nảy sinh ý định đem xe đi cầm cố lấy tiền trả nợ thì được bị cáo Trần Thị L đồng ý. Vào ngày 04/6/2017, bị cáo H đi làm giả giấy đăng ký xe và biển số 86B6 - 179.31 gắn vào chiếc xe thuê của anh T rồi chở bị cáo L đến tiệm cầm đồ Quang cầm được tổng số tiền là 11.500.000 đồng.

Căn cứ Nghị Quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội; khoản 1, khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Hình vi thuê xe, sau đó dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt của bị cáo Nguyễn Thế H và bị cáo Trần Thị L đã phạm vào tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 1 Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009). Ngoài ra, với Hình vi làm giả giấy chứng nhận đăng ký xe và biển số để lừa dối tổ chức, cá nhân của bị cáo Nguyễn Thế H, đã cấu thành tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Riêng đối với bị cáo L, không biết và không tham gia vào việc làm giả giấy chứng nhận đăng ký xe và biển số của bị cáo H nên không phải chịu trách nhiệm về hành vi này. Trong vụ án này, bị cáo H là người khởi xướng, thực Hình tích cực, còn bị cáo L đóng vai trò giúp sức tích cực để bị cáo H thực hiện tội phạm.

Vì vậy, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L giữ nguyên quan điểm truy tố như nội dung bản cáo trạng số: 28/CT-VKS ngày 06/4/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã L truy tố bị cáo Nguyễn Thế H, về tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 và tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và bị cáo Trần Thị L về tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thế H, phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”; Bị cáo Trần Thị L (Bảy), phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

1. Áp dụng: Điểm a khoản 1 Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; Khoản 1 Điều 341; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 55; Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thế H:

- Tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” mức án từ: 18 đến 24 tháng tù
- Tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” mức án từ: 06 đến 09 tháng tù

Tổng hợp hình phạt của 02 tội danh đồng thời tổng hợp hình phạt của bản án này với bản án hình sự sơ thẩm số 93/2017/HSST ngày 22/12/2017 của Tòa án nhân dân thị xã L.

2. Áp dụng: Điểm a khoản 1 Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Trần Thị L, mức án tù: 09 đến 12 tháng tù.

Biện pháp tư pháp:

+ Về xử L vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy 01 biển số xe 86B6 – 179.31 là vật thuộc loại nH nước cấm lưu hành (Hiện đang tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã L theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 10/4/2018 giữa Cơ quan CSĐT Công an thị xã L và Chi cục thi hành án thị xã L) và tiêu hủy giấy đăng ký xe giả số 020530 mang tên Võ Thị Thu Vân.

+ Về dân sự: Áp dụng Điều 117; Điều 127 và Điều 131 Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Nguyễn Thế H và bị cáo Trần Thị L phải liên đới bồi thường số tiền: 11.500.000 đồng cho bà Lê Minh Hiếu.

- **Ý kiến của bị cáo Nguyễn Thế H:** Đồng ý với nội dung luận tội của Kiểm sát viên nên không có ý kiến tranh luận.

- **Ý kiến của bị cáo Trần Thị L:** Đồng ý với nội dung luận tội của Kiểm sát viên nên không có ý kiến tranh luận.

- **Ý kiến của bị hại Võ Đức T:** Theo đơn xin xét xử vắng mặt thì bị hại Tuấn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo H và L; về dân sự thì không yêu cầu bồi thường gì thêm.

- **Ý kiến của nguyên đơn dân sự đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Minh H:**

Bà Hiếu yêu cầu bị cáo H và bị cáo L cùng có trách nhiệm hoàn trả cho bà Hiếu số tiền: 11.500.000 đồng, không yêu cầu bồi thường.

\* **Bị cáo Nguyễn Thế H nói lời sau cùng:** Bị cáo thấy hành vi của mình là sai, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

\* **Bị cáo Trần Thị L nói lời sau cùng:** Bị cáo thấy hành vi của mình là sai, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

***Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:***

[1] Về Hình vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã L, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã L, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về Hình vi, quyết định của Cơ quan tiến Hình tố tụng, người tiến Hình tố tụng. Do đó, các Hình vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến Hình tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa: Vắng mặt bị hại Võ Đức T (anh Tuấn có đơn xin xét xử vắng mặt) và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Đình Q, Cao Đức D, Vũ Văn M và Nguyễn Thị Thu T.

Ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo đều đề nghị Hội đồng xét xử tiến Hình xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử xét thấy, việc vắng mặt của những người nêu trên không gây trở ngại cho việc xét xử, vì lời khai của họ đã khai đầy đủ thể hiện rõ trong hồ sơ vụ án, vì vậy Hội đồng xét xử vẫn tiến Hình xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

[2] Xét thấy, lời khai của các bị cáo Nguyễn Thế H và Trần Thị L tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, đối chiếu với những tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, đủ cơ sở và căn cứ pháp lý để kết luận: Ngày 05/5/2017, các bị cáo H và L thuê xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, biển kiểm soát 86B1 - 188.28, trị giá 16.000.000 đồng của anh Võ Đức T để làm phương tiện đi lại, sau khi thuê được khoảng 01 tháng, bị cáo H nảy sinh ý định đem xe đi cầm cố lấy tiền trả nợ nên bàn bạc với bị cáo L thì được bị cáo L đồng ý. Vào ngày 04/6/2017, bị cáo H một mình đi làm giả giấy đăng ký xe và biển số 86B6 - 179.31 gắn vào chiếc xe thuê của anh T (quá trình làm giả giấy đăng ký xe và biển số 86B6 - 179.31 bị cáo H không nói cho bị cáo L biết) rồi chở bị cáo L đến tiệm cầm đồ Q cầm được tổng số tiền là 11.500.000 đồng.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 thì “1. Người nào có một trong những hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác có giá trị từ một triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới một triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt Hình chính về Hình vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến ba năm:

a) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng các hình thức hợp đồng rồi dùng thủ đoạn gian dối hoặc bỏ trốn để chiếm đoạt tài sản đó;”.

Như vậy, việc các bị cáo H và L thuê chiếc xe mô tô Sirius, biển số 86B1-188.28, chiếc xe có giá trị 16.000.000 đồng của anh T rồi sau đó đem đi cầm nhưng vẫn nói với anh T là đang sử dụng, Hành vi trên của các bị cáo H và L là gian dối để chiếm đoạt chiếc xe mô tô của anh T đã đủ yếu tố cấu tHnh tội “Lạm dụng tín nhiệm để chiếm đoạt tài sản”.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 267 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 thì “1. *Người nào làm giả con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác của cơ quan, tổ chức hoặc sử dụng con dấu, tài liệu, giấy tờ đó nhằm lừa dối cơ quan, tổ chức hoặc công dân, thì bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng hoặc bị phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.*”

Như vậy, việc bị cáo H có Hành vi làm giả Giấy đăng ký xe số 020530 mang tên Võ Thị Thu V và 01 biển số 86B6 – 179.31 đã đủ yếu tố cấu tHnh tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

Tuy nhiên, theo quy định tại Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội thì “*Các điều khoản của Bộ luật Hình sự năm 2015 xóa bỏ một tội phạm, một hình phạt, một tình tiết tăng nặng; quy định hình phạt nhẹ hơn, tình tiết giảm nhẹ mới; miễn trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt, **giảm hình phạt**, xóa án tích và các quy định khác có lợi cho người phạm tội thì được áp dụng đối với cả những Hnh vi phạm tội xảy ra trước 0 giờ 00 phút ngày 01 tháng 01 năm 2018 mà sau thời điểm đó mới bị phát hiện, **đang** bị điều tra, truy tố, **xét xử** hoặc đối với người đang được xét giảm thời hạn chấp Hnh hình phạt, xóa án tích;*”. Do khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định giảm hình phạt, cụ thể: “1. Người nào làm giả con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác của cơ quan, tổ chức hoặc sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ giả thực hiện Hnh vi trái pháp luật, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm **hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 02 năm**”. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 để xét xử đối với bị cáo H.

Đánh giá vai trò của từng bị cáo trong vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy: Các bị cáo H và L cùng thuê xe mô tô của anh Tuấn để làm phương tiện đi lại nhưng vì cần tiền trả nợ nên bị cáo H mới nảy sinh ý định cầm cố, sau đó mới bàn bạc với bị cáo L thì được bị cáo L đồng ý và cùng với bị cáo H đi cầm chiếc xe mô tô trên. Như vậy, Hnh vi của các bị cáo là đồng phạm với vai trò giản đơn, mặt khác, để cầm cố được xe mô tô thì bị cáo H còn làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức, Hành vi của bị cáo H là người xúi giục đồng thời cũng là người thực Hành, còn bị cáo L là đồng phạm với vai trò giúp sức. Các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự đối với toàn bộ giá trị tài sản chiếm đoạt là phù hợp với Điều 20 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã L truy tố đối với các bị cáo Nguyễn Thế H và Trần Thị L về tội danh, điều luật áp dụng là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của Hnh vi phạm tội: Các bị cáo Nguyễn Thế H và Trần Thị L thuê tài sản của người khác rồi đem đi cầm nhưng vẫn nói với chủ sở hữu là đang sử dụng, hành vi trên của bị cáo H và L là gian dối để chiếm đoạt tài sản của người khác, như vậy hành vi phạm tội của các bị cáo H và L là cố ý và đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác. Riêng đối với Hnh vi làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức của bị cáo H là cố ý và đã xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính Nhà nước, tổ chức và xâm phạm sự hoạt động bình thường, uy tín của cơ quan NH nước, tổ chức trong lĩnh vực quản lý hành chính nhà nước về con dấu, tài liệu. Hnh vi của các bị cáo H và L là nguy hiểm cho xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự;

- Đối với tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; Các bị cáo là lao động tự do, thu nhập không ổn định, điều kiện kinh tế khó khăn, bị hại có ý kiến xin xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo. Do đó, cần cho các bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[5] Về tổng hợp hình phạt: Ngày 22/12/2017 Tòa án nhân dân thị xã L đã xử phạt Nguyễn Thế H 30 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 26/9/2017, xử phạt Trần Thị L 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng tính từ ngày 22/12/2017 về tội “trộm cắp tài sản”. Nay bị cáo H và bị cáo L bị Tòa án xét xử về các tội “lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và “làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”, theo qui định của pháp luật phải tổng hợp hình phạt để các bị cáo chấp Hnh các bản án, tuy nhiên hình phạt của bị cáo L tại bản án trước là hình phạt tù cho hưởng án treo do vậy bị cáo L sẽ phải chấp Hnh song song hai bản án khi án có hiệu lực pháp luật, theo qui định tại điều 55, 56 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 thì “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ mười triệu đồng đến một trăm triệu đồng, bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm Hnh nghề hoặc làm công việc nhất định từ một năm đến năm năm và bị tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản hoặc một trong hai hình phạt này” và khoản 4 Điều 341 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 thì “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”. Tuy nhiên theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo H và L tại phiên tòa đều cho thấy các bị cáo là lao động tự do, thu nhập không ổn định, điều kiện kinh tế khó khăn. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo H và L.

[7] Đối với Nguyễn Đình Q, Cao Đức D, Vũ Văn M, Nguyễn Thị Thu T những người này không biết các bị cáo có Hnh vi thuê xe sau đó làm giả giấy tờ tài liệu để chiếm đoạt tài sản của người khác nên cơ quan điều tra không đề nghị xử L là phù hợp.

[8] Về xử L vật chứng: 01 biển số xe 86B6 – 179.31 là vật thuộc loại nH nước cấm lưu Hnh cần tịch thu tiêu hủy; Đối với Giấy đăng ký xe số 020530 mang tên Võ Thị Thu Vân được chuyển cùng hồ sơ vụ án, do đó sẽ được lưu cùng hồ sơ.

[9] Về dân sự: Bị hại Võ Đức T đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét. Riêng, bà Lê Minh H yêu cầu các bị cáo hoàn trả lại số tiền 11.500.000 đồng là tiền cầm cố tài sản và không yêu cầu bồi thường, Hội đồng xét xử xét thấy: Bà H không biết xe mô tô Sirius, biển số 86B6 – 179.31 (biển số giả) mà các bị cáo đem cầm cố là tài sản của anh Tuấn, được bị cáo H gắn biển số giả và làm giấy đăng ký xe giả nhằm cho bà H tin tưởng để sau đó nhận cầm cố với số tiền 11.500.000 đồng, như vậy giao dịch dân sự trên là vô hiệu do vi phạm điều cấm của luật (Hành vi của các bị cáo đã cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”), vì vậy không làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự của các bên kể từ thời điểm giao dịch được xác lập, các bên khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả cho nhau những gì đã nhận, bên có lỗi gây thiệt hại phải bồi thường. Do đó, Hội đồng xét xử sẽ chấp nhận theo yêu cầu của bà H các bị cáo phải có nghĩa vụ liên đới hoàn trả số tiền 11.500.000 đồng cho bà Lê Minh H, chia phần cụ thể mỗi bị cáo phải hoàn trả: 5.750.000 đồng.

[10] Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Thế H và Trần Thị L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH

**1.** Căn cứ vào Khoản 1 Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 và khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

**Tuyên bố:** Bị cáo Nguyễn Thế H, phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”; Bị cáo Trần Thị L (Bảy), phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

**a. Áp dụng:** Điểm a, khoản 1 Điều 140; Điều 20 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; Khoản 1 Điều 341; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 55; Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

**Xử phạt:** Bị cáo Nguyễn Thế H **18** (mười tám) tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và **6** (sáu) tháng tù về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Hình phạt chung của hai tội là **24** (hai mươi bốn) tháng.

**Tổng hợp hình phạt** 30 tháng tù của bản án hình sự sơ thẩm số 93/2017/HSST ngày 22/12/2017 của Tòa án nhân dân thị xã L, bị cáo H phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là **54** (năm mươi tư) tháng tù.

**Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 26/9/2017.**

**b. Áp dụng:** Điểm a, khoản 1 Điều 140; Điều 20 và Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

**Xử phạt:** Bị cáo Trần Thị L **9** (chín) tháng tù; Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt thi hành án.

Buộc bị cáo Trần Thị L phải chấp hành hình phạt song song cùng bản án hình sự sơ thẩm số 93/2017/HSST ngày 22/12/2017 của Tòa án nhân dân thị xã L.

**2. Về dân sự:** Áp dụng: Khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 116; Điều 117; Điều 122; Điều 123; Điều 131 Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc các bị cáo Nguyễn Thế H và Trần Thị L phải có nghĩa vụ liên đới hoàn trả số tiền 11.500.000 đồng cho bà Lê Minh H, cụ thể: bị cáo H hoàn trả số tiền 5.750.000 đồng; bị cáo L hoàn trả số tiền 5.750.000 đồng.

Án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, Hng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

**3. Về xử lý vật chứng:** Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy 01 biển số xe 86B6 – 179.31 là vật thuộc loại nh nước cấm lưu hành (Hiện đang tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã L theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 10/4/2018 giữa Cơ quan CSĐT Công an thị xã L và Chi cục thi hành án thị xã L).

**4. Về án phí:** Áp dụng Điều 135 và Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Nguyễn Thế H và Trần Thị L mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 287.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

**5. Về quyền kháng cáo:** Áp dụng Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Các bị cáo, nguyên đơn dân sự đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (**29/5/2018**).

Riêng bị hại Võ Đức T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Đình Q, Cao Đức D, Vũ Văn M, Nguyễn Thị Thu T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND thị xã L;
- THADS thị xã L;
- Công an thị xã L;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS - AV;
- UBND nơi bị cáo cư trú.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm Phán – Chủ tọa phiên tòa**

**(đã ký)**

**ĐẶNG THỊ HOA NGÀ**